

Số: 88/BC-THPTLT

Ninh Bình, ngày 22 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2025-2026

(Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Trung học phổ thông Lý Tự Trọng

2. Địa chỉ: Xã Nam Ninh, Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 028.37151286

Email: thpt.lytutrong@namdinh.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <https://thptlytutrong.ninhbinh.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Là trường công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Ninh Bình.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, kỷ cương và hiện đại, là nơi học sinh được phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực, có cơ hội phát triển sở trường cá nhân.

4.2. Tầm nhìn

Tiếp tục duy trì là một trong các trường Trung học phổ thông có chất lượng hàng đầu của tỉnh Nam Định, là nơi mà giáo viên có điều kiện để phát triển và khẳng định bản thân, là nơi mà học sinh được phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện để từng bước thực hiện được khát vọng thành công trong tương lai.

4.3. Mục tiêu:

Xây dựng nhà trường có uy tín cao về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến, mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân đáp ứng phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THPT Lý Tự Trọng, Xã Nam Ninh, Tỉnh Ninh Bình, được thành lập từ năm 1959, do chia tách từ trường Cấp 3 Liên khu III thành trường Cấp 3 Lý Tự Trọng và trường cấp 3 Lê Hồng Phong. Trường đóng trên địa bàn thôn Trí An, xã Nam Hoa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (cũ). Do điều kiện lịch sử năm 1994 trường chuyển về địa điểm mới thuộc Thôn Nội, Xã Nam Thanh, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định nay là Thôn Nội, Xã Nam Ninh, Tỉnh Ninh Bình.

Trải qua 67 năm xây dựng và trưởng thành, nay ngôi trường mang tên trường THPT Lý Tự Trọng, nằm ngay sát cạnh quốc lộ 21 tại km số 16, địa bàn xã Nam Ninh, Tỉnh Ninh Bình. Trải qua những giai đoạn, thời kỳ khó khăn nhưng đến nay nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng..

Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của UBND tỉnh, Sở GDĐT; sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ của Ban đại diện Hội CMHS cùng với quyết tâm cao thầy

và trò, trường THPT Lý Tự Trọng đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Nhà trường liên tục được công nhận là “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc”. Chi bộ nhà trường liên tục được công nhận là chi bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Năm 2024-2025 nhà trường được công nhận Đạt Chuẩn thư viện mức độ 2, Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3, Chuẩn Quốc gia mức độ 2, Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, năm 2024 được nhận Cờ thi đua của Thủ tướng chính phủ. Tỷ lệ học sinh của nhà trường thi đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng hàng năm đạt trên 95%. Đoàn trường được Trung ương Đoàn, Tỉnh Đoàn tặng Bằng khen. Có được những thành tích trên không thể không nói đến đội ngũ CB, GV, NV của nhà trường đã bền bỉ vượt khó trong công tác giảng dạy, hết lòng vì HS thân yêu. Nhà trường đã xây dựng được tập thể GV đoàn kết, nhất trí, nhiệt tình trách nhiệm, yêu nghề và vững vàng trong chuyên môn.

Năm học 2025 - 2026 trường có 32 lớp với 1330 học sinh, trong đó khối 11, 12 có 11 lớp, Khối 10 có 10 lớp. Hiện nay nhà trường có 80 CB, GV, NV trong đó biên chế là 75; Chi bộ Đảng có 45 Đảng viên, 100% GV có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 12 CB, GV có trình độ Thạc sĩ. Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang, đủ phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn, nhà đa năng có trang thiết bị đạt chuẩn, khu sân chơi, khu luyện tập thể dục thể thao đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Cảnh quan nhà trường được bố trí, quy hoạch khoa học, hợp lý. Ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan nhà trường đảm bảo Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Vũ Ngọc Khánh

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Nội, Xã Nam Ninh, Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0918181039

Email: tkhanh79litt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Thông tin tập thể lãnh đạo đơn vị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Email - Điện thoại
1	Vũ Ngọc Khánh	Hiệu trưởng	tkhanh79litt@gmail.com 09181810390
2	Phan Duy Hiền	Phó Hiệu trưởng	phanduyhienlitt@gmail.com 0988962663
3	Nguyễn Ngọc Châu	Phó Hiệu trưởng	ngocchaultt2019@gmail.com 0983883083

- Các tổ chức trong nhà trường:

+ Chi bộ Đảng;

+ Đoàn thanh niên CS HCM;

+ 6 Tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng;

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng 3	Hạng 2	Hạng 1
5	Nhân viên giáo vụ	0									
6	Nhân viên công nghệ thông tin	01			01						
7	Nhân viên bảo vệ	03					02	01			
8	Nhân viên phục vụ	01					01				
9	Nhân viên phụ trách quản lý thiết bị	01				01					

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	39	1,3m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	32	1,3m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	7	0,2m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	20	1,2m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1,1	1,3m ² /học sinh
8	Bình quân học sinh/lớp	41/1	1,2m ² /học sinh
9	Phòng tổ chuyên môn	7 (140 m ²)	
10	Phòng chức năng, y tế, kho	16 (320 m ²)	
11	Phòng thực hành giáo dục STEM	120 m ²	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	12667,5 m ²	12 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5500 m ²	6m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	2800 m ²	1,4m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	1536 m ²	1,3m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	540 m ²	0,2m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	240 m ²	0,02 m ² / học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1000 m ²	0,9 m ² /học sinh
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	150	0,013 m ² / học sinh
6	Nhà để xe giáo viên và học sinh	2500 m ²	2,2 m ² /Gv,HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	36	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		Số bộ/lớp

STT	Nội dung		Số lượng	Bình quân		
1.1	Khối lớp 10		12 bộ	1,2		
1.2	Khối lớp 11		12 bộ	1,2		
1.3	Khối lớp 12		12 bộ	1,2		
2	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		600 m ²			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		75	0,06/học sinh		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi		32	32/32		
2	Cát xét/loa		07			
3	Đầu Video/đầu đĩa		0			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		06			
5	Cây nước lọc nóng, lạnh		11			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi		32	32/32		
2	Cát xét		7			
3	Đầu Video/đầu đĩa		0			
4	Máy chiếu /projector/vật thể		03			
5	Thiết bị khác: Camera		45			
6	Điều hoà phòng học		64			
X	Nhà bếp		01			
XI	Nhà ăn		01			
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0		
XIII	Khu nội trú	0	0	0		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	0	9/9	0	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	
XV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		Có			
XVI	Kết nối internet (ADSL)		Có			
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		Có			
XVIII	Tường rào xây		Có			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã được đánh giá và được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, Chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp an toàn, Chuẩn Quốc gia mức độ 2, Thư viện đạt chuẩn mức độ 2 theo quyết định số của Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Nam Định.

Kết quả đánh giá ngoài được công khai tại địa chỉ:

<https://thptlytutrong.ninhbinh.edu.vn/quyet-dinh-cong-nhan-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc-xay-dung-truong-xanh-sach-dep-an-toan-va-thu-vien-dat-chuan.html>

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và

xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng để khắc phục các hạn chế chưa đạt theo yêu cầu ở cấp độ cao hơn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Năm học 2025-2026 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo thông tư 32/2018/BGDĐT

a. Về sách giáo khoa sử dụng năm học 2025-2026

Đối với lớp 10: Kết quả chọn các bộ SGK sử dụng như sau: Các môn: Toán, Ngữ văn, Vật lí, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, KTCN (CNCN-Thiết kế công nghệ), Hoạt động trải nghiệm chọn bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống; Các môn: Hoá học, Tin học (Khoa học máy tính), KTNN (CNNN-Trồng trọt), GDTC (Cầu lông 10), QPAN chọn bộ sách Cánh Diều; Kinh tế và Pháp luật chọn bộ Chân trời sáng tạo; Môn Tiếng Anh chọn sách Global success. Mỹ thuật (kết nối tri thức với cuộc sống),

Đối với lớp 11: Kết quả chọn các bộ SGK sử dụng như sau: Các môn: Toán, Ngữ văn, Vật lí, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Hoạt động trải nghiệm chọn bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống; Các môn: Hoá học, Tin học (Khoa học máy tính), Công nghệ (KTNN-Chăn nuôi, KTCN-Cơ khí), GDTC (Đá cầu 10), QPAN chọn bộ sách Cánh Diều; Kinh tế và Pháp luật chọn bộ Chân trời sáng tạo; Môn Tiếng Anh chọn sách Global success; Âm nhạc (Cánh diều) bắt đầu từ năm học 2024-2025.

Đối với lớp 12: Kết quả chọn các bộ SGK sử dụng như sau: Các môn: Toán, Ngữ văn, Vật lí, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, KTCN (CNCN- Điện - điện tử) Hoạt động trải nghiệm chọn bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống; Các môn: Hoá học, Tin học (Khoa học máy tính), KTNN (CNNN-Lâm nghiệp-Thủy sản), GDTC (Bóng rổ 10), QPAN chọn bộ sách Cánh Diều; Kinh tế và Pháp luật chọn bộ Chân trời sáng tạo; Môn Tiếng Anh chọn sách Global success./.

Lưu ý: Môn GDTC: Khối 10 học Cầu lông, K11 học Đá cầu 10, K12 học Bóng rổ 10.

b. Về cơ cấu các môn học lựa chọn, cụm chuyên đề năm học 2025-2026

Lớp 10 năm học 2025-2026:

Tổ hợp		TN1	TN 2	XH
Môn học và hoạt động gd bắt buộc	1	Văn	Văn	Văn
	2	Toán	Toán	Toán
	3	Anh	Anh	Anh
	4	Sử	Sử	Sử
	5	GDTC	GDTC	GDTC
	6	QPAN	QPAN	QPAN
	7	HĐTN	HĐTN	HĐTN
	8	GDĐP	GDĐP	GDĐP
Môn học lựa chọn	1	Lý	Lý	Địa
	2	Hóa	Hóa	KT&PL
	3	Sinh/CNCN	CNNN	Hoá
	4	Tin	Mỹ thuật	Mỹ thuật
Cụm chuyên đề	1	Toán	Toán	Toán
	2	Lý	Lý	Văn
	3	Hóa	Hoá	Địa/Sử

Lớp 11 năm học 2025-2026:

Tổ hợp		TN1	TN 2	XH
Môn học và hoạt động gd bắt buộc	1	Văn	Văn	Văn
	2	Toán	Toán	Toán
	3	Anh	Anh	Anh
	4	Sử	Sử	Sử
	5	GDTC	GDTC	GDTC
	6	QPAN	QPAN	QPAN
	7	HĐTN	HĐTN	HĐTN
	8	GĐDP	GĐDP	GĐDP
Môn học lựa chọn	1	Lý	Lý	Địa
	2	Hóa	Hóa	KT&PL
	3	Sinh	CNCN	Hoá
	4	Tin	Âm nhạc	Âm nhạc
Cụm chuyên đề	1	Toán	Toán	Toán
	2	Lý	Lý	Văn
	3	Hóa	Hoá	Địa

Lớp 12 năm học 2025-2026:

Tổ hợp		TN 1	TN 2	TN3	TN 4	XH 1	XH 2
Môn học và hoạt động gd bắt buộc	1	Văn	Văn	Văn	Văn	Văn	Văn
	2	Toán	Toán	Toán	Toán	Toán	Toán
	3	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh
	4	Sử	Sử	Sử	Sử	Sử	Sử
	5	GDTC	GDTC	GDTC	GDTC	GDTC	GDTC
	6	QPAN	QPAN	QPAN	QPAN	QPAN	QPAN
	7	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN
	8	GĐDP	GĐDP	GĐDP	GĐDP	GĐDP	GĐDP
Môn học lựa chọn	1	Lý	Lý	Hóa	Lý	Địa	Địa
	2	Hóa	Hóa	KT&PL	Hóa	KT&PL	KT&PL
	3	Sinh	Địa	Lý	Sinh	Hóa	Hóa
	4	Tin	CNNN	CNCN	CNNN	CNNN	CNNN
Cụm chuyên đề	1	Toán	Toán	Toán	Toán	Toán	Toán
	2	Lý	Lý	Lý	Lý	Văn	Văn
	3	Hóa	Văn	Hóa	Hóa	Sử	Địa

c. Kết quả giáo dục đạt được học kì I năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm học kì I năm học 2025-2026	1297	420	441	436
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	1291 99.54%	420 100%	438 99.32%	433 99.31%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	6 0.46%	0 0.00%	3 0.68%	3 0.69%
3	Đạt (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
4	Chưa đạt (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực học kì I năm học 2025-2026	1297	420	441	436
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	764 58.91%	206 49.05%	209 47.39%	349 80.05%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	510 39.32%	199 47.38%	224 50.79%	87 19.95%
3	Đạt (tỉ lệ so với tổng số)	23 1.77%	15 3.57%	8 1.81%	0 0.00%
4	Chưa đạt (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỉ lệ so với tổng số)				
a	Học sinh giỏi (tỉ lệ so với tổng số)				
b	Học sinh tiên tiến (tỉ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại (tỉ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỉ lệ so với tổng số)				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi năm học 2025-2026	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK
1	Cấp tỉnh/thành phố	3 giải Nhất cá nhân: 01 giải Nhất cá nhân Vật lí, 01 giải	7 giải Nhì cá nhân	Giấy khen Dự án STEM xuất sắc - 14 giải	- 1 Giải KK toàn đoàn Khởi nghiệp - 31 giải

		Nhất cá nhân Địa lí 12; 1 giải Nhất Tin học		Ba - Giải Ba toàn đoàn HSG 12; - Giải Ba toàn đoàn Tài năng Tiếng Anh	KK
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	-	-	-	-
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp 2026	436	-	-	436
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp 2025	389/389	-	-	389/389
VII	Số học sinh thi đỗ đại học 2025 (tỉ lệ so với tổng số)	380 /389			380 /389
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ năm học 2025-2026	572/726	185/236	193/248	194/242
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	0	01	02

2. Năm học 2026-2027 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo thông tư 32/2018/BGDĐT

a. Về sách giáo khoa dự kiến sử dụng năm học 2026-2027

Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" được chọn theo Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 của Bộ GDĐT về bộ sách giáo khoa (SGK) giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc.

b. Về cơ cấu các môn học lựa chọn, cụm chuyên đề năm học 2026-2027

Lớp 10 năm học 2026-2027 (Dự kiến)

Tổ hợp (dự kiến)		TN 1	XH	TN 3	1TN 2
Môn học và hoạt động gd bắt buộc	1	Văn	Văn	Văn	Văn
	2	Toán	Toán	Toán	Toán
	3	Anh	Anh	Anh	Anh
	4	Sử	Sử	Sử	Sử
	5	GDTC	GDTC	GDTC	GDTC
	6	QPAN	QPAN	QPAN	QPAN
	7	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN
	8	GĐDP	GĐDP	GĐDP	GĐDP
Môn học lựa chọn	1	Lý	Địa	Lý	Lý
	2	Hóa	KT&PL	Hóa	Hóa
	3	Sinh	Sinh	Địa	Sinh
	4	Tin	CNNN	CNCN	CNCN
Cụm chuyên đề	1	Toán	Toán	Toán	Toán
	2	Lý	Văn	Lý	Lý
	3	Hóa	Địa	Hoá	Sinh

Lớp 11 năm học 2026-2027:

Tổ hợp		TN1	TN 2	XH
Môn học và hoạt động gd bắt buộc	1	Văn	Văn	Văn
	2	Toán	Toán	Toán
	3	Anh	Anh	Anh
	4	Sử	Sử	Sử
	5	GDTC	GDTC	GDTC
	6	QPAN	QPAN	QPAN
	7	HĐTN	HĐTN	HĐTN
	8	GDĐP	GDĐP	GDĐP
Môn học lựa chọn	1	Lý	Lý	Địa
	2	Hóa	Hóa	KT&PL
	3	Sinh/CNCN	CNNN	Hoá
	4	Tin	Mỹ thuật	Mỹ thuật
Cụm chuyên đề	1	Toán	Toán	Toán
	2	Lý	Lý	Văn
	3	Hóa	Hoá	Địa/Sử

Lớp 12 năm học 2026-2027:

Tổ hợp		TN1	TN 2	XH
Môn học và hoạt động gd bắt buộc	1	Văn	Văn	Văn
	2	Toán	Toán	Toán
	3	Anh	Anh	Anh
	4	Sử	Sử	Sử
	5	GDTC	GDTC	GDTC
	6	QPAN	QPAN	QPAN
	7	HĐTN	HĐTN	HĐTN
	8	GDĐP	GDĐP	GDĐP
Môn học lựa chọn	1	Lý	Lý	Địa
	2	Hóa	Hóa	KT&PL
	3	Sinh	CNCN	Hoá
	4	Tin	Âm nhạc	Âm nhạc
Cụm chuyên đề	1	Toán	Toán	Toán
	2	Lý	Lý	Văn
	3	Hóa	Hoá	Địa

IV. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Công khai tài chính nhà trường thực hiện bằng hình thức: Công bố Hội nghị cơ quan hàng tháng, quý, năm; niêm yết bảng tin và đăng website nhà trường tại địa chỉ: <https://thptlytutrong.ninhbinh.edu.vn/bao-cao-cong-khai-thuong-nien.html>

1. Nguồn ngân sách nhà nước (Theo đúng quy định)
2. Nguồn thu hàng năm theo hướng dẫn Sở GDĐT

3. Chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

3.4. Khen thưởng, học bổng dành cho học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi văn hoá, văn nghệ, TDTT, văn nghệ ... các cấp; thi định kỳ, tham gia các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường;

3.4. Trợ cấp, miễn giảm các diện chính sách và diện khác: Thực hiện miễn, giảm các khoản theo quy định của nhà nước cho các đối tượng: Con thương bệnh binh, người hưởng chế độ như thương binh...; gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh diện mồ côi...

Trên đây là Báo cáo thường niên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2025-2026 của Trường THPT Lý Tự Trọng thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- CBQL, GV, NV;
- CMHS, HS;
- Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Ngọc Khánh